

CHÍNH PHỦ
Số: 140/2005/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH

***Quy định về xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi***

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001;
Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị định này quy định về xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; hình thức xử phạt, mức xử phạt, thẩm quyền, thủ tục xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả.
- Vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi là những hành vi vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm và theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này thì phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định này. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Trường hợp người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi thì bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 7 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi được áp dụng theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ được áp dụng trong xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 6 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi là một năm, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện. Nếu quá thời hạn trên thì không bị xử phạt, nhưng buộc phải áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

2. Đối với người bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm theo quy định của Nghị định này là hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt hành chính; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này là ba

tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu tổ chức, cá nhân vi phạm thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; thời hiệu xử phạt được tính lại kể từ thời điểm thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm tổ chức, cá nhân vi phạm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 6. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, nếu quá một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết hiệu lực thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 7. Hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, tổ chức, cá nhân vi phạm bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi là 20.000.000 đồng.

Mức phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi là mức trung bình của khung phạt tiền được quy định đối với hành vi đó; mức trung bình của khung phạt tiền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 57 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 24 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Nếu vi phạm có tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 4 Nghị định này thì mức phạt tiền được giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung phạt tiền đối với hành vi vi phạm đó.

Nếu vi phạm có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 4 Nghị định này thì mức phạt tiền tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung phạt tiền đối với hành vi vi phạm đó.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính còn bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, giấy phép cho các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, vật gây cản trở dòng chảy;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi do vi phạm hành chính gây ra.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH,

HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT

Điều 8. Vi phạm gây ảnh hưởng dòng chảy của công trình thủy lợi

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi ngâm tre, nứa, lá, gỗ, cắm đống đó, vó bè, trồng rau, thả bèo hoặc tạo các vật cản khác gây cản trở dòng chảy.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi xả rác thải, chất thải vào công trình thủy lợi gây cản trở dòng chảy.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải tháo dỡ vật cản gây cản trở dòng chảy hoặc buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

Điều 9. Vi phạm về bảo vệ chất lượng nước, phòng, chống ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc diện phải xin phép mà không có giấy phép;
- b) Xả rác thải, chất thải vào công trình thủy lợi gây ô nhiễm nước trong công trình thủy lợi.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm nước trong công trình thủy lợi do vi phạm hành chính gây ra quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Vi phạm về vận hành công trình thủy lợi

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc công trình hồ chứa nước có dung tích từ 10.000.000m³ trở lên, đập cấp I, cấp II, trạm bơm đầu mối, kênh chính và công trình trên kênh chính của hệ thống công trình thủy lợi liên huyện, liên tỉnh; từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc các công trình thủy lợi còn lại, đối với một trong các hành vi sau đây:

- 1. Vận hành hoặc ra lệnh vận hành công trình thủy lợi trái với quy trình, quy phạm kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
- 2. Không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật mà ép buộc người vận hành, người phụ trách phải thực hiện việc vận hành hoặc không vận hành công trình thủy lợi.
- 3. Không có chức năng, nhiệm vụ mà tự ý thực hiện việc vận hành công trình thủy lợi.

Điều 11. Vi phạm về sử dụng máy móc, thiết bị công trình thủy lợi